

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2215/2008/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt tên một số đường ở thành phố Tuy Hòa năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 12 về đặt tên một số đường ở thành phố Tuy Hòa năm 2008;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 140/TTr-SVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên 43 đường ở thành phố Tuy Hòa như sau:

1. Đường số 5A (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 16 mét, dài 1.850 mét) đặt tên đường **Trần Hào**.

2. Đường N5 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.760 mét) đặt tên đường **An Dương Vương**.

3. Đường nội bộ số 1 (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 5A; rộng 12 mét, dài 248,5 mét) đặt tên đường **Chi Lăng**.

4. Đường nội bộ số 2 (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 5A; rộng 12 mét, dài 248,5 mét) đặt tên đường **Chí Linh**.

5. Đường nội bộ số 3 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Nguyễn Mỹ**.

6. Đường nội bộ số 4 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Lưu Văn Liêu**.

7. Đường nội bộ số 5 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Nguyễn Hoa**.

8. Đường nội bộ số 6 (điểm đầu giáp đường nội bộ số 1, điểm cuối giáp đường nội bộ số 2; rộng 12 mét, dài 100 mét) đặt tên đường **Trần Rịa**.
9. Đường N6 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.800 mét) đặt tên đường **Lý Nam Đế**.
10. Đường N7 (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.950 mét) đặt tên đường **Trần Nhân Tông**.
11. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường Trường Chinh; rộng 16 mét, dài 570 mét) đặt tên đường **Tuệ Tĩnh**.
12. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường Trường Chinh; rộng 16 mét, dài 570 mét) đặt tên đường **Phù Đồng**.
13. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường An Dương Vương mới, song song với đường Hùng Vương, điểm cuối giáp đường Trần Phú; rộng 16 mét, dài 5.400 mét) đặt tên đường **Nguyễn Văn Huyền**.
14. Đường số 9A (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 30 mét, dài 1.000 mét) đặt tên đường **Hoàng Văn Thụ**.
15. Đường số 9B (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 16 mét, dài 900 mét) đặt tên đường **Phan Đăng Lưu**.
16. Đường số 10 (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp Xã lộ 19; rộng 25 mét, dài 1.050 mét) đặt tên đường **Tổ Hữu**.
17. Đường số 10A (điểm đầu giáp đường Độc Lập, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 1.350 mét) đặt tên đường **Nguyễn Đức Cảnh**.
18. Đường số 10B (điểm đầu giáp đường Trường Chinh, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 820 mét) đặt tên đường **Văn Cao**.
19. Đường số 11A (điểm đầu giáp đường QH 16 mét, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 520 mét) đặt tên đường **Lê Đài**.
20. Đường số 11B (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 16 mét, dài 225 mét) đặt tên đường **Lương Định Của**.
21. Đường số 13 (điểm đầu giáp đường QH 16 mét, điểm cuối giáp đường QH 25 mét; rộng 16 mét, dài 975 mét) đặt tên đường **Võ Trứ**.
22. Đường QH 13,5 mét (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 13,5 mét, dài 225 mét) đặt tên đường **Nơ Trang Long**.
23. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 14; rộng 16 mét, dài 1.580 mét) đặt tên đường **Hà Huy Tập**.
24. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường N5, điểm cuối giáp đường số 14; rộng 16 mét, dài 1.580 mét) đặt tên đường **Tân Trào**.
25. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối giáp đường QH 16 mét; rộng 16 mét, dài 2.350 mét) đặt tên đường **Nguyễn Hào Sự**.

26. Đường QH 20 mét (điểm đầu giáp đường số 9B, điểm cuối giáp đường số 7A; rộng 20 mét, dài 2.390 mét) đặt tên đường **Trần Suyền**.
27. Đường QH 12 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Hữu Thọ, điểm cuối giáp đường số 9A; rộng 12 mét, dài 1.050 mét) đặt tên đường **Phạm Ngọc Thạch**.
28. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường số 10A, điểm cuối giáp đường số 9A; rộng 16 mét, dài 650 mét) đặt tên đường **Nguyễn Thế Bảo**.
29. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Trung Trực, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 16 mét, dài 300 mét) đặt tên đường **Trương Định**.
30. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trung Trực; rộng 16 mét, dài 230 mét) đặt tên đường **Tây Sơn**.
31. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 16 mét, dài 400 mét) đặt tên đường **Lương Thế Vinh**.
32. Đường số 10 (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường vành đai; rộng 25 mét, dài 450 mét) đặt tên đường **Nguyễn Bình Khiêm**.
33. Tỉnh lộ 7 (điểm đầu giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành, điểm cuối giáp đường Hải Dương; rộng 16 mét, dài 1.350 mét) đặt tên đường **Trần Quang Khải**.
34. Xã lộ 21 (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 7, điểm cuối giáp tuyến tránh Quốc lộ 1A; rộng 16 mét, dài 2.600 mét) đặt tên đường **Côn Sơn**.
35. Xã lộ 22 (điểm đầu giáp Tỉnh lộ 7, điểm cuối giáp đường QH 20 mét; rộng 16 mét, dài 1.000 mét) đặt tên **Mạc Thị Bưởi**.
36. Đường số 7 (điểm đầu giáp đường Lê Trung Kiên, điểm cuối giáp đường Nguyễn Thái Học; rộng 16 mét, dài 700 mét) đặt tên đường **Hàm Nghi**.
37. Đường số 8 (điểm đầu giáp đường Lê Trung Kiên, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trãi nói dài; rộng 20 mét, dài 1.300 mét) đặt tên đường **Mai Xuân Thuồng**.
38. Đường số 8A (điểm đầu giáp đường Lê Thành Phương, điểm cuối giáp đường Nguyễn Trãi nói dài; rộng 12 mét, dài 900 mét) đặt tên đường **Cần Vương**.
39. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Duy Tân, điểm cuối giáp đường Lương Văn Chánh; rộng 16 mét, dài 110 mét) đặt tên đường **Thành Thái**.
40. Đường QH 12 mét (điểm đầu giáp đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giáp đường Lý Thường Kiệt; rộng 12 mét, dài 240 mét) đặt tên đường **Trần Mai Ninh**.
41. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đại lộ Hùng Vương, điểm cuối giáp đường Bà Triệu; rộng 16 mét, dài 170 mét) đặt tên đường **Hồ Xuân Hương**.
42. Đường QH 16 mét (điểm đầu giáp đường Lý Thái Tổ, điểm cuối giáp đường Nguyễn Công Trứ; rộng 16 mét, dài 300 mét) đặt tên đường **Trần Nhật Duật**.
43. Xã lộ 19 (điểm đầu giáp đường Nguyễn Huệ, điểm cuối giáp đại lộ Nguyễn Tất Thành; rộng 16 mét, dài 5.400 mét) đặt tên đường **Mậu Thân**.

Điều 2.

- Giao Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện gắn biển tên đường mới ở thành phố Tuy Hòa được nêu ở Điều 1, bảo đảm mỹ quan đô thị.

- Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng triển khai tuyên truyền về ý nghĩa việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng ở thành phố Tuy Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và UBND thành phố Tuy Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Kim Anh